

	BÀI 09 FIREBASE	
--	----------------------------------	--

A. MỤC TIÊU:

B. DỤNG CỤ - THIẾT BỊ THỰC HÀNH CHO MỘT SV:

STT	Chủng loại – Quy cách vật tư	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Computer	1	1	

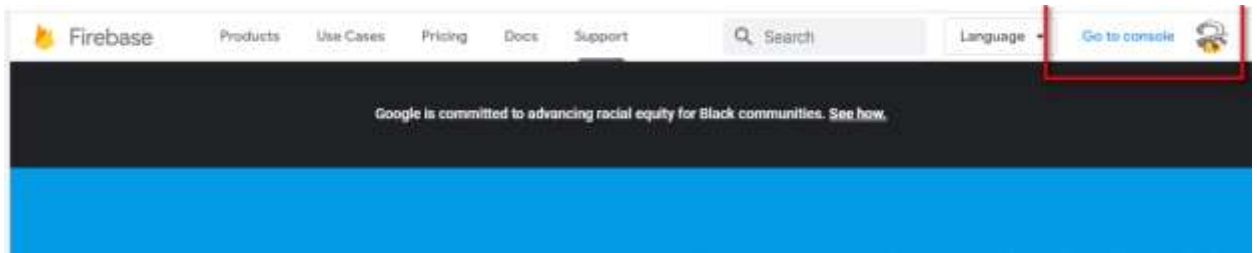
C. NỘI DUNG THỰC HÀNH

- Chạy File Scrip **QLSINHVIEN** đính kèm, thực hiện nhập dữ liệu cho mỗi bảng 3 mẫu.
 Khoa (**MaKhoa**, TenKhoa)
 Lop (**MaLop**, TenLop, MaKhoa)
 Sinhvien (**MaSinhVien**, HoTen, NgaySinh, MaLop)
 Monhoc (**MaMonHoc**, TenMonHoc)
 Diem (**MaSinhVien**, **MaMonHoc**, Diem)
- Hướng dẫn tạo và cấu hình Firebase

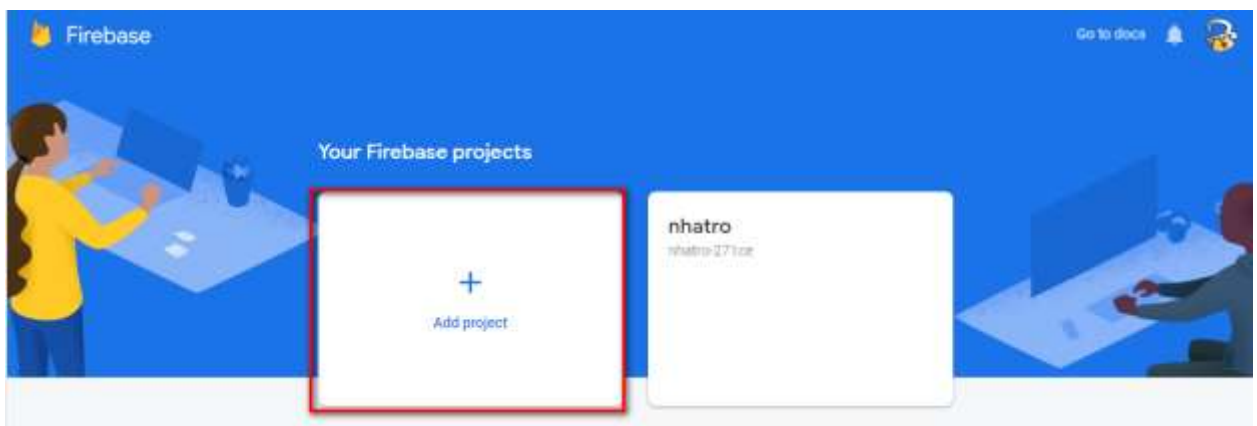
➤ **Bước 1:** Đăng nhập gmail dùng tài khoản cá nhân.



- **Bước 2:** Truy cập trang: <https://firebase.google.com/>
 - **Chọn Go to console**



- **Bước 3:** Add project



- **Bước 4:** Thêm project name









➤ **Bước 5: Tiếp tục**

✕ Create a project (Step 2 of 3)

Config, A/B Testing, Predictions, and Cloud Functions.

Google Analytics enables:

-  A/B testing ⓘ
-  User segmentation & targeting across Firebase products ⓘ
-  Predicting user behavior ⓘ
-  Crash-free users ⓘ
-  Event-based Cloud Functions triggers ⓘ
-  Free unlimited reporting ⓘ

☒ Enable Google Analytics for this project
Recommended


[Previous](#) [Continue](#)

➤ **Bước 6: Choose or create a Google Analytics account and Continue**

✕ Create a project (Step 3 of 3)

Configure Google Analytics

Choose or create a Google Analytics account ⓘ

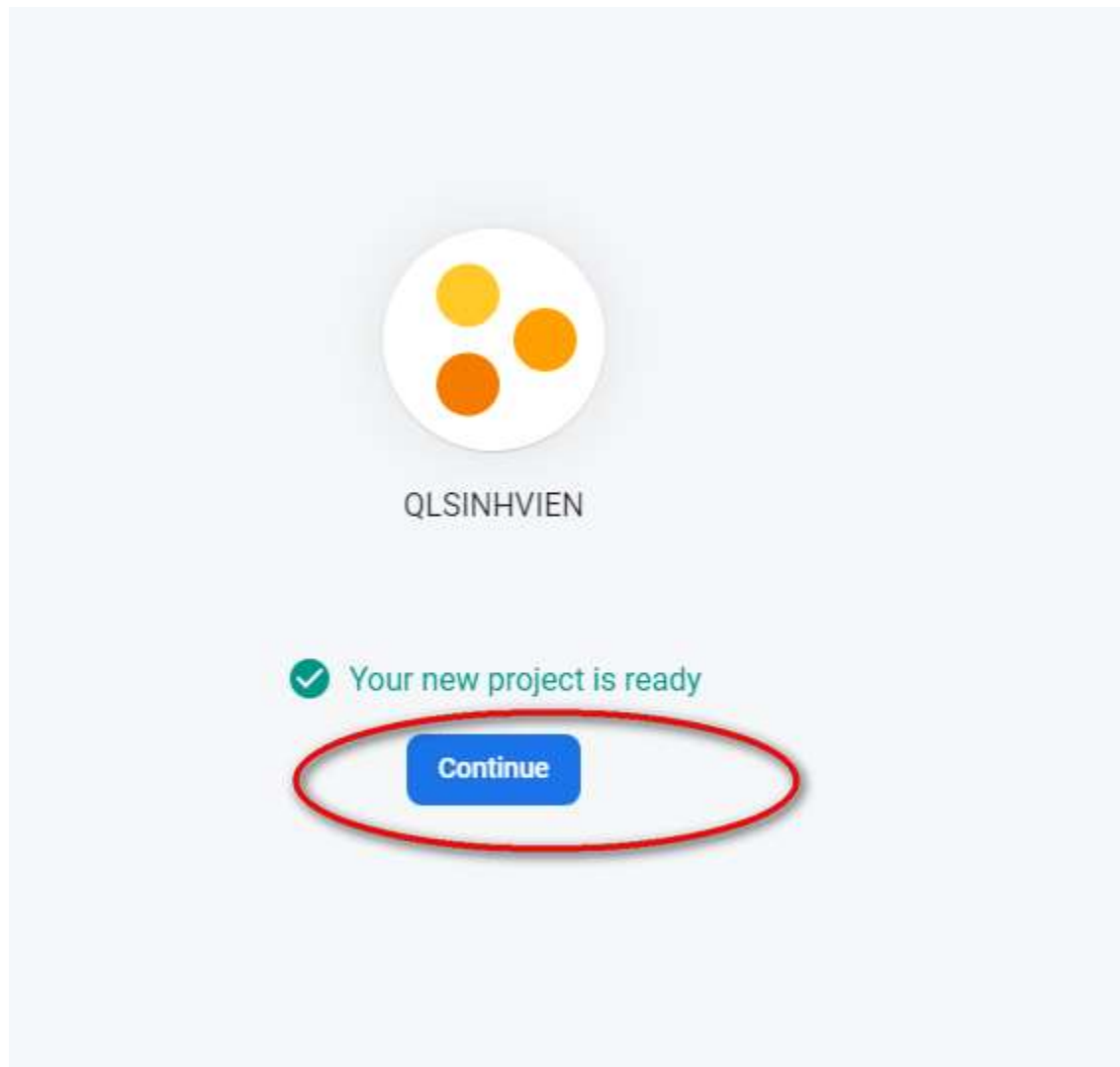
 Default Account for Firebase ▼

Automatically create a new property in this account ✎

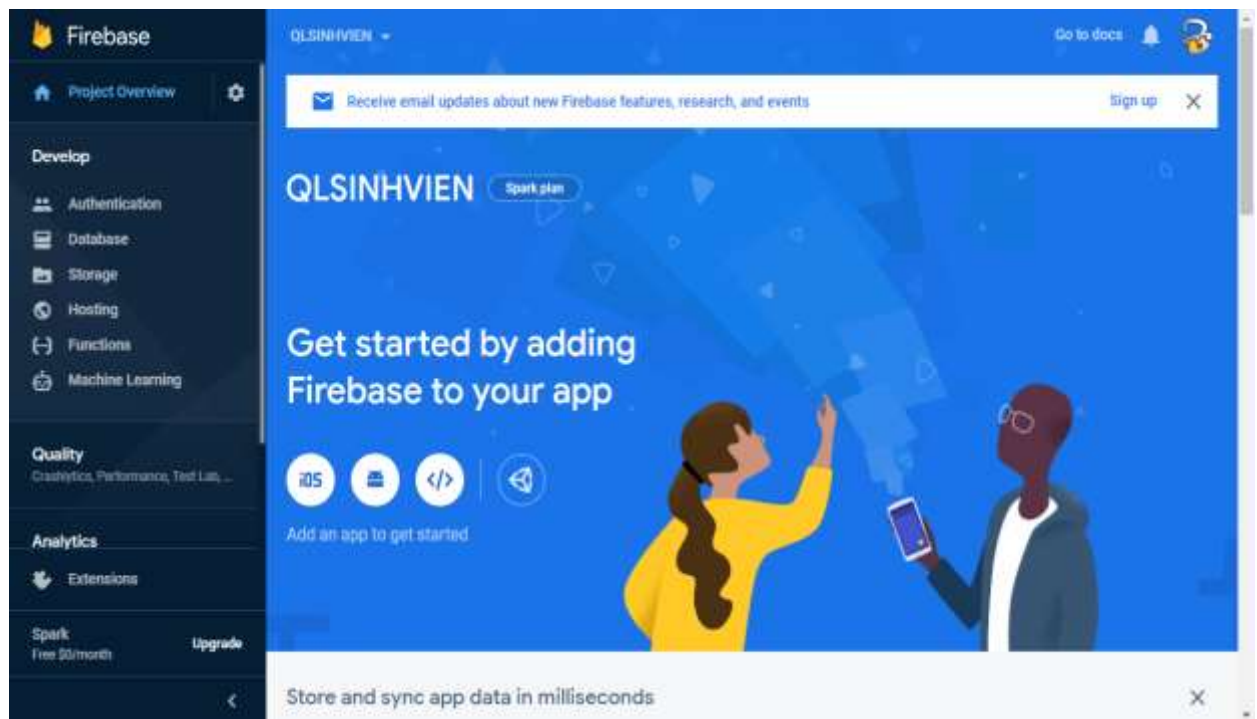
Upon project creation, a new Google Analytics property will be created in your chosen Google Analytics account and linked to your Firebase project. This link will enable data flow between the products. Data exported from your Google Analytics property into Firebase is subject to the Firebase terms of service, while Firebase data imported into Google Analytics is subject to the Google Analytics terms of service. [Learn more](#)

[Previous](#) [Create project](#)

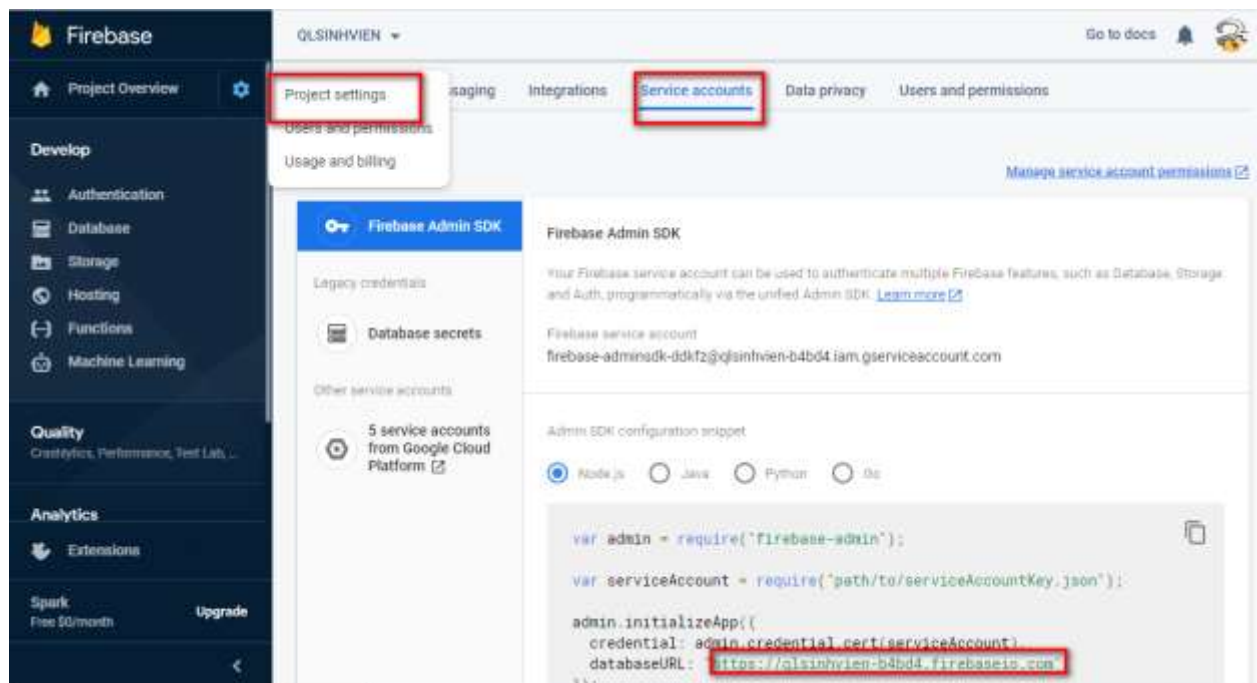
➤ **Bước 6:**



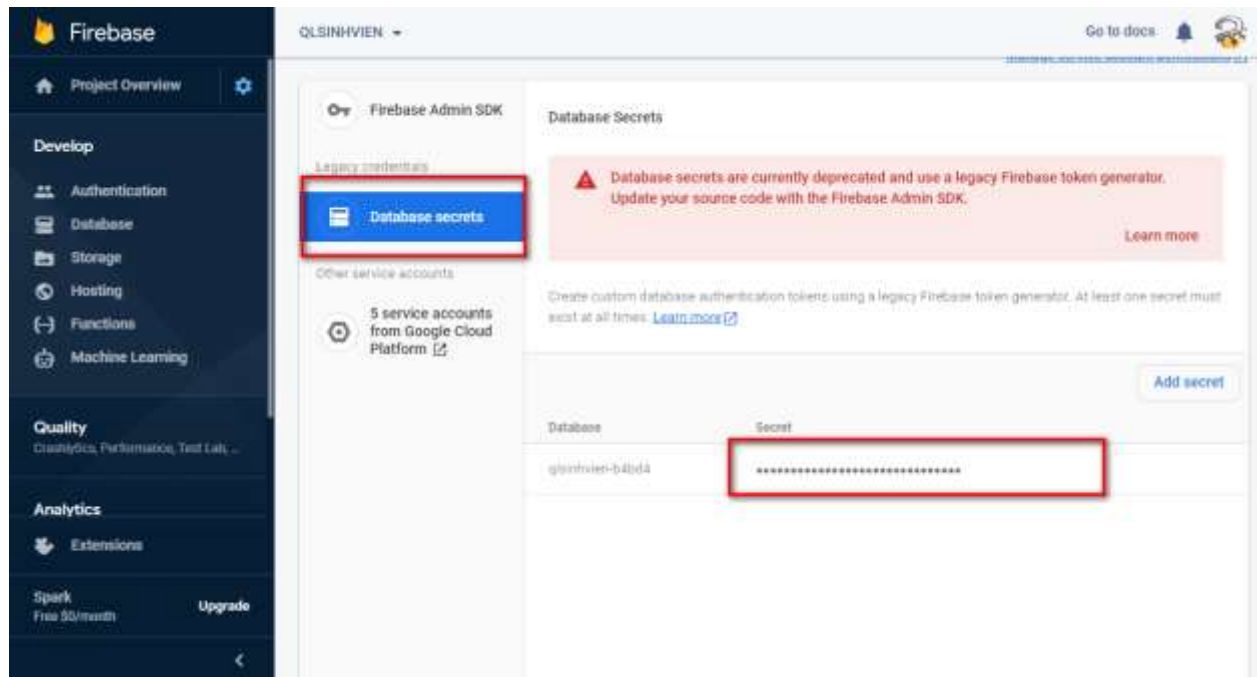
➤ **Bước 7: Giao diện chính của Firebase**



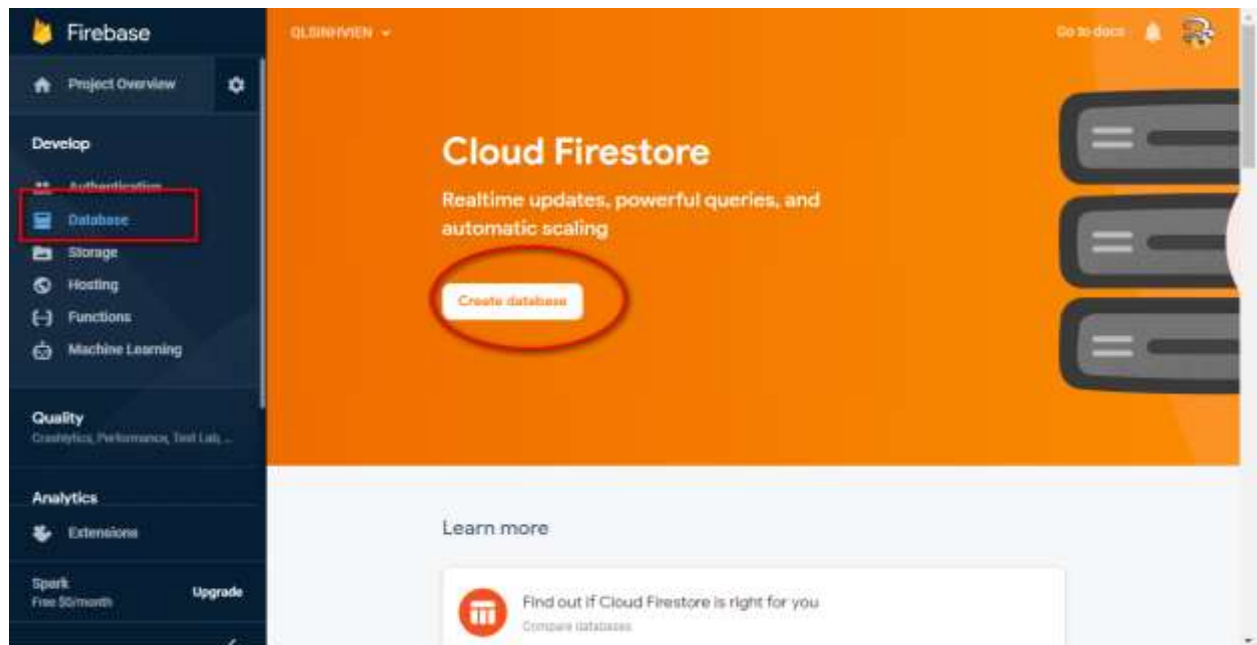
➤ **Bước 8:**

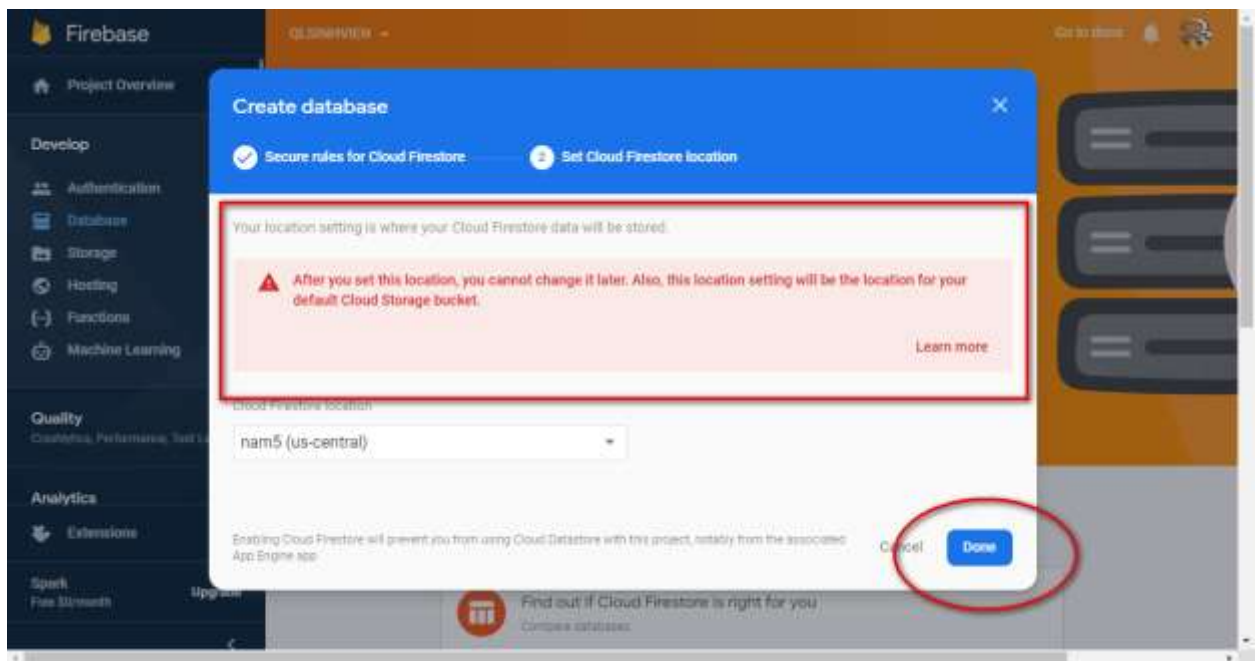
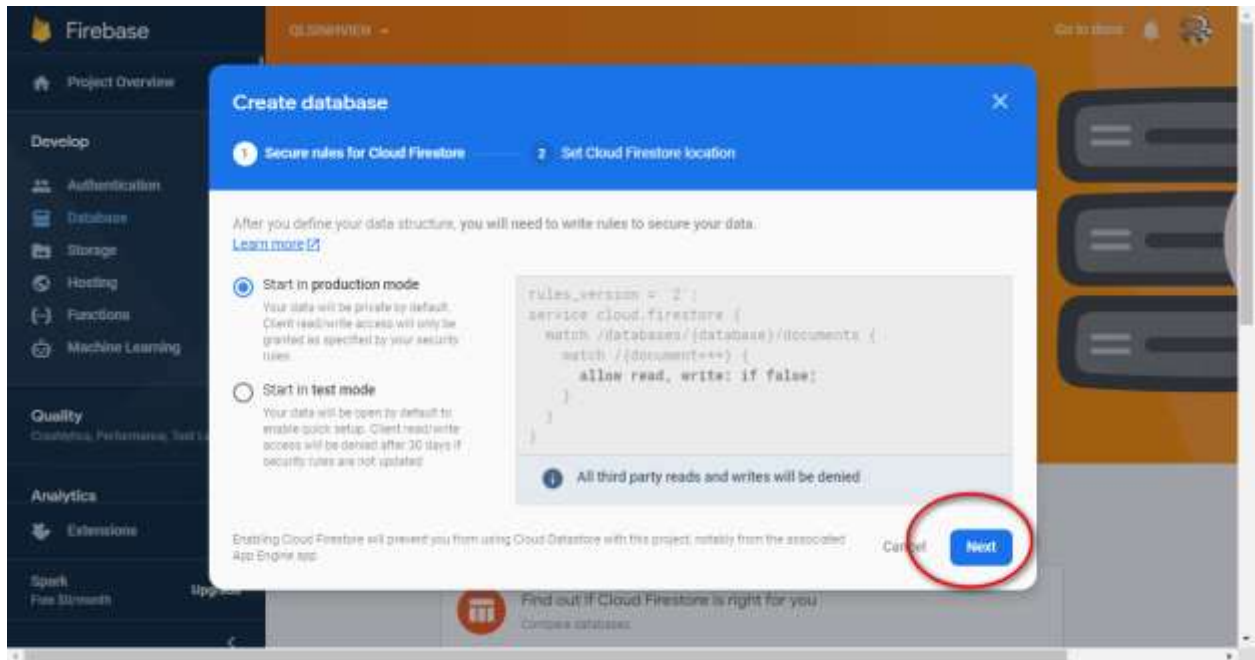


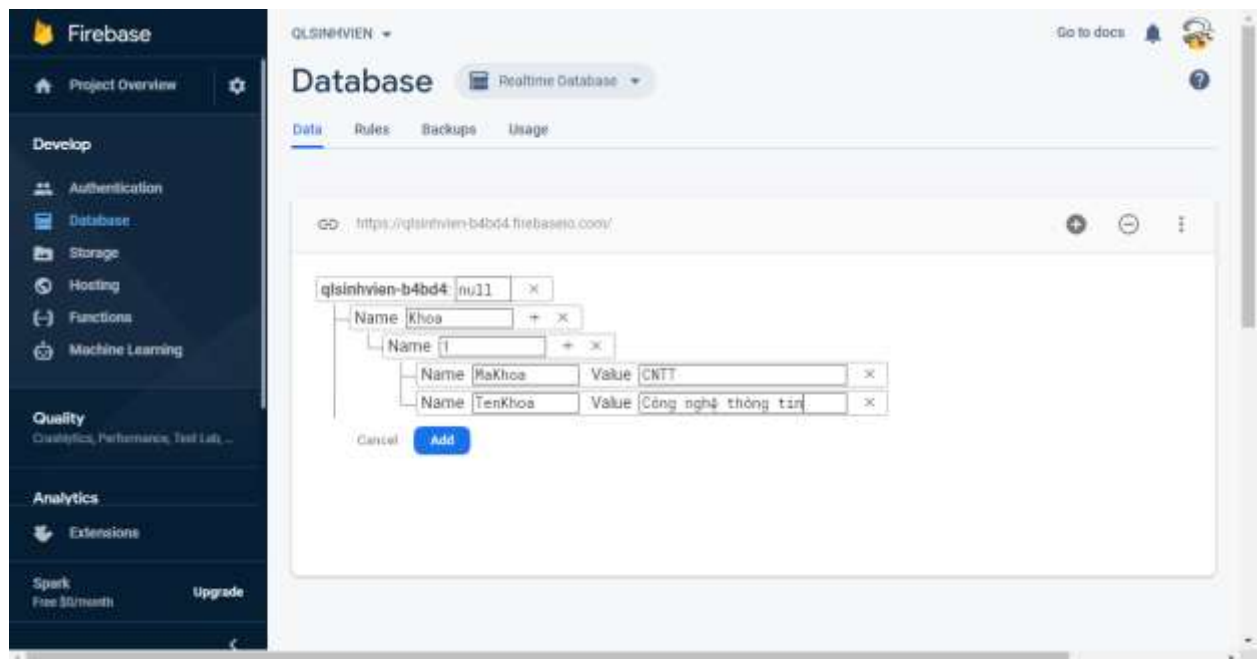
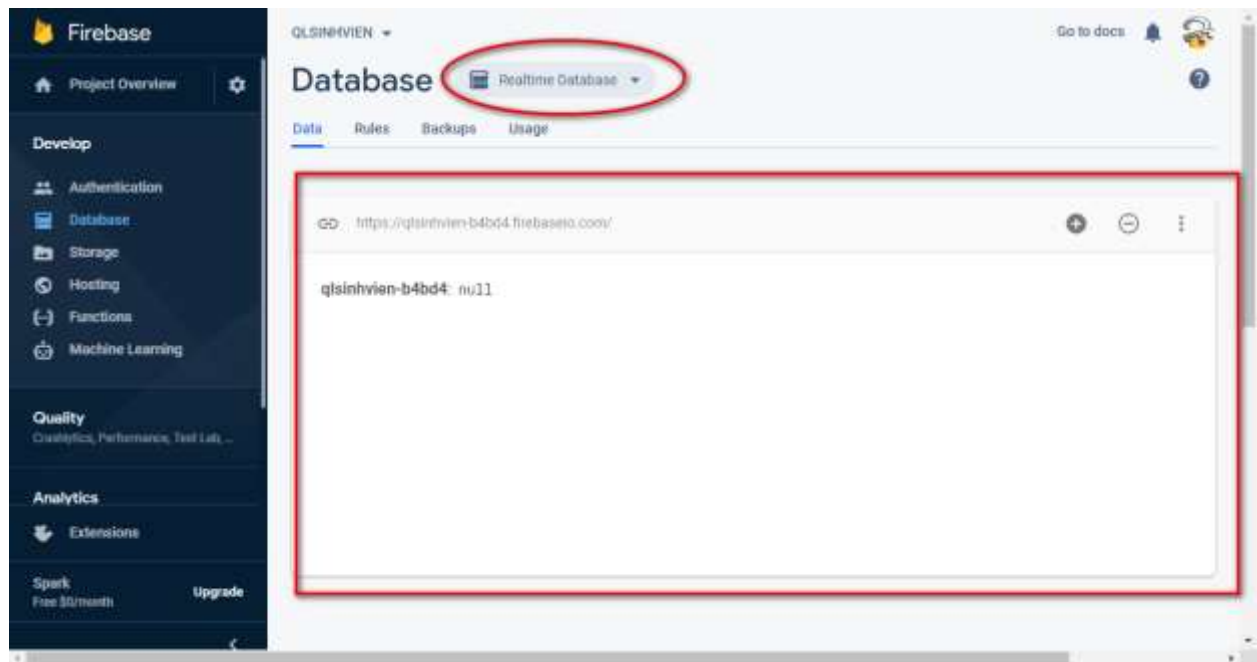
➤ **Bước 9:**

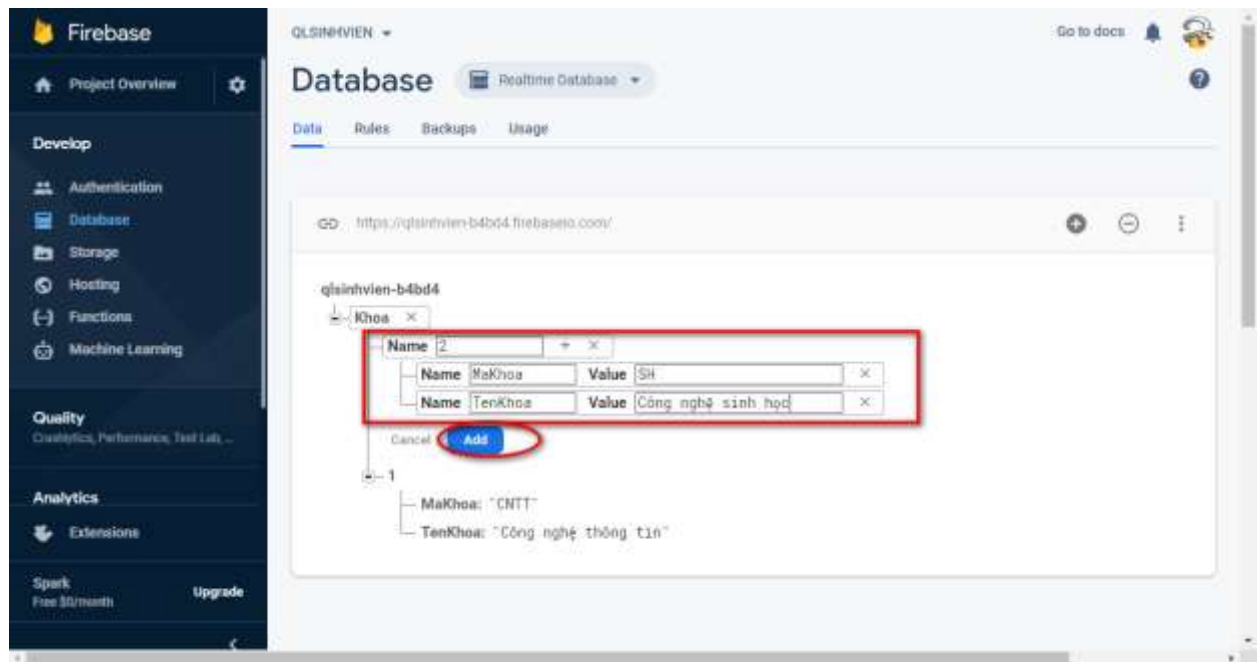


➤ **Bước 10:**









3. Hướng dẫn tương tác dữ liệu với Firebase trên mô hình đa tầng

a. Bước 1 Khia báo thư viện tương tác :

```
using FireSharp.Config;
using FireSharp.Interfaces;
using FireSharp.Response;
```

b. Bước 2 chứng thực kết nối :

```
public static IFirebaseClient CreateFirebaseClient()
{
    IFirebaseConfig config = new FirebaseConfig
    {
        AuthSecret = "2.Bước 8",
        BasePath = "2.Bước 9"
    };

    IFirebaseClient client;

    client = new FireSharp.FirebaseClient(config);
    return client;
}
```

c. Bước 3 Thêm/ Xóa/ Sửa dữ liệu :

```
public static async void FirebaseInsertData(IFirebaseClient client, object
data, string rootName)
{
    if (client != null)
    {
        await client.SetAsync(rootName, data);
    }
}
```

```

    }

    public static async Task<List<KHACH_THUE_GIA_DINH>>
    GetThongTinKhachThueGiaDinh(string pcmnd)
    {
        IFirebaseClient client = CreateFirebaseClient();

        List<KHACH_THUE_GIA_DINH> ds = new List<KHACH_THUE_GIA_DINH>();

        int dem = 2;
        int i = 1;
        bool co = true;
        while(co)
        {
            try
            {
                KHACH_THUE_GIA_DINH tk = await FirebaseGetThongTinKhachThueGiaDinh(client,
                "khachthue/" + pcmnd + "/KHACHTHUEGIADINH/" + i.ToString() + "/");
                if (tk == null)
                {
                    co = false;
                    break;
                }
                i++;
                ds.Add(tk);
            }
            catch
            {
                co = false;
            }
        }
        return ds;
    }

```

```

    public static async Task<KHACH_THUE_GIA_DINH>
    FirebaseGetThongTinKhachThueGiaDinh(IFirebaseClient client, string rootName)
    {
        if (client != null)
        {

```

```
        FirebaseResponse response = await client.GetAsync(rootName);

        return response.ResultAs<KHACH_THUE_GIA_DINH>();
    }

    return null;
}
```

```
public static async void FirebaseDeleteData(IFirebaseClient client, string
rootName)
{
    if (client != null)
    {
        await client.DeleteAsync(rootName);
    }
}
```

```
public static async void FirebaseUpdateData(IFirebaseClient client, object
data, string rootName)
{
    if (client != null)
    {
        await client.UpdateAsync(rootName, data);
    }
}
```

d. Bước 4 Thêm/ Xóa/ Sửa dữ liệu với bảng Khoa tương ứng.

4. Bài tập tại lớp

- a. Thực hiện Thêm/Xóa/Sửa/Load cho bảng môn học, sinh viên, lớp.**
- b. Thực hiện thao tác chức năng sau với Firebase**

QUẢN LÝ ĐIỂM

Khoa

Lớp

	Mã sinh viên	Họ Tên	Ngày sinh
*			

	Mã Sinh Viên	Mã Môn Học	Điểm
*			

Thêm

Xóa

Sửa

Đóng

Môn học

Mã sinh viên

Điểm

Word

Excel